

**TÒA ÁN N DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2022

“V/v tranh chấp hôn N và gia đình ly
hôn”

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN TRI TÔN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Minh Huyền

Hội thẩm N dân:

1. Ông Hồ Văn Dũng ;
2. Ông Châu Khon Sốc;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Kim Liệu, thư ký Tòa án N dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Châu Pho Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án N dân huyện Tri Tôn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn N và gia đình thụ lý số: 216/2022/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 6 năm 2022 về việc “ *Tranh chấp hôn N và gia đình ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 15 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Diễm T, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ 2, ấp Tân Trung, xã Tà Đảnh, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (có mặt);
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ 30, ấp Trung An, xã Lê Trì, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án, bà Trương Diễm T trình bày: Vào đầu năm 1994 bà và ông S quen biết nhau do tự tìm hiểu, nên đến cuối năm 1994 thì có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 4/2000 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên N do ông S thường xuyên nhậu nhẹt về bạo lực gia đình đánh đập vợ, dùng những lời lẽ không tôn T1 ông bà, nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, mặc dù bà đã khuyên ngăn để hàn gắn gia đình nhưng ông S vẫn không thay đổi nên vợ chồng đã ly thân từ tháng

5/2001 đó cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn bà T yêu cầu được ly hôn ông S.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Hoàng T1, sinh năm 1995 và Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1996. Hiện hai đứa đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự cho bị đơn ông Nguyễn Thanh S. Tuy nhiên, ông S vẫn không tham gia tố tụng. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

Vụ án Tòa án không tiến hành hoà giải do vi phạm Điều 9 Luật Hôn N và gia đình. Tòa án ra chỉ ra thông báo hòa giải về con chung, về tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định không có tổ chức lễ cưới. Đồng thời xác định con chung với ông S có hai con chung tên là Nguyễn Hoàng T1 và Nguyễn Hoàng N đều trưởng thành. Còn có con nuôi tên là Trang Thị T D, sinh năm 2004 bà đang nuôi dưỡng nhưng không yêu cầu giải quyết.

Nguyên đơn xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Hội đồng xét xử công bố kết quả xác minh về tình trạng hôn N, nơi cư trú của ông S.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng, quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý giải quyết án Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 35, Điều 68, Điều 97, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội thẩm N dân đã thực hiện đúng quy định về xét xử phiên tòa sơ thẩm.

Về chấp hành pháp luật của đương sự thì nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, chấp hành đúng quy định tại Điều 71. Tuy nhiên bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên không thực hiện Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng tại phiên Toà ông S có đơn xin xét xử vắng mặt theo Điều 228 nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có đủ cơ sở để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông S hiện đang có địa chỉ tại tổ 30, ấp Trung An, xã Lê Trì, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nên thuộc tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Tri Tôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông S đã được tổng đặt hợp lệ nhưng vắng mặt. Nhưng trong thời gian chuẩn bị xét xử, ông S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông khi Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án. Xét đề nghị của ông S phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông S theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*:

Về hôn N: Theo bà T bà và ông S quen biết nhau do tự tìm hiểu, sau đó tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào cuối năm 1994 không có tổ chức lễ cưới và cũng không có đăng ký kết hôn. Mâu thuẫn vợ chồng do ông S thường xuyên nhậu nhẹt về bạo lực gia đình đánh đập vợ, dùng những lời lẽ không tôn T1 ông bà, nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2001 cho đến nay, nay bà T yêu cầu ly hôn ông S.

Qua kết quả xác minh tại ấp Trung An xã Lê Trì cho biết: Vợ chồng ông S và bà T sống chung vào năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sinh sống tại địa phương nhưng từ năm 2001 thì vợ chồng mâu thuẫn nên bà T đã trở về xã Tà Đảnh sinh sống còn ông S vẫn còn sinh sống tại địa phương.

Theo qui định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn N gia đình thì “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này*”.

Xét, bà T và ông S chung sống năm 1994, ông bà có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà T đối ông S không được chấp nhận mà tuyên bố không công nhận bà T và ông S là vợ chồng.

[3] *Về con chung*: Bà T và ông S có hai con chung tên Nguyễn Hoàng T1, sinh năm 1995 và Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1996 đều đã trưởng thành và không mất khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3.1] *Về con nuôi*: Cháu Trang Thị T D, sinh năm 2004 đã trưởng thành, hiện đang do bà T nuôi dưỡng. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung* : Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Bà T khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo mức án phí không giá ngạch. Ông S không phải chịu án phí hôn N

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn N và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên bố không công nhận bà Trương Diễm T và ông Nguyễn Thanh S là vợ chồng.

Về án phí: Bà Trương Diễm T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn N, gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008413 ngày 20/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn. Ông Nguyễn Thanh S không phải chịu án phí hôn N.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo đến Tòa án N dân Tỉnh An Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh An Giang;
- VKS.ND huyện Tri Tôn;
- THA.DS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Minh Huyền